

Bản án số: **18/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/9/2017

*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan

Ông Hồ Bá Thành

Thư ký phiên tòa: Bà **Thào Thị Thu Nhân**, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên;

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **155/2017/TLST-HNGĐ**, ngày 16 tháng 8 năm 2017 về việc: “***Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn***”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18 ngày 26/9/2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thu H** - sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Tổ dân phố 13, phường NT, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB (Nơi công tác: Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh ĐB) - *Có mặt*;

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Mạnh T** - sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số nhà 80, tổ dân phố 13, phường NT, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB - *Vắng mặt*;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 14/8/2017, bản tự khai ngày 14/8/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thu H trình bày:

* *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Mạnh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/3/2010 tại UBND phường TT, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB. Cuộc sống chung của vợ chồng ông bà không có hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn từ ngay sau khi kết hôn. Nguyên nhân là do ông Nguyễn Mạnh T chơi bời mắc nghiện ma

túy không quan tâm chăm sóc đến gia đình, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại tình cảm của bà H đối với ông T không còn, vì vậy bà H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố ĐBP giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

*) *Về con chung*: Bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Mạnh T có hai con chung là cháu Nguyễn Trường Giang sinh ngày 26/11/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Huyền sinh ngày 02/01/2013. Bà H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

*) *Về tài sản*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) *Về Nợ*: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn giữa bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Mạnh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Mạnh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng ông T vẫn không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông T không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung:

*) *Về hôn nhân*: Cuộc hôn nhân giữa bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Mạnh T từ khi thành lập đến nay đã gặp nhiều mâu thuẫn, bất hòa. Bà H cho rằng cuộc sống chung của ông bà không có hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn ngay từ những ngày đầu chung sống. Nguyên nhân chủ yếu là do ông T chơi bời mắc nghiện ma túy, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Mạnh T tình cảm của bà H đối với ông T không còn, vì vậy bà H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố ĐBP giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi thụ lý vụ án ông T không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên tòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện ông T chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Vì vậy không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Mạnh T vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho bà

Nguyễn Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

*) *Về con chung*: Bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Mạnh T có hai con chung là cháu Nguyễn Trường G sinh ngày 26/11/2010 và cháu Nguyễn Ngọc H sinh ngày 02/01/2013. Bà H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà. HĐXX xét về mọi mặt thì bà H có công ăn việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi cả hai cháu và đảm bảo cuộc sống cho các cháu. HĐXX xét thấy việc giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H.

*) *Về tài sản*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên tại phiên tòa hôm nay HĐXX không đề cập giải quyết.

*) *Về nợ*: Không có;

*) *Về án phí*: Bà Nguyễn Thu H phải chịu **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Trường G sinh ngày 26/11/2010 và cháu Nguyễn Ngọc H sinh ngày 02/01/2013 cho bà Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chi trả các chi phí nuôi con chung của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H.

Ông T cũng quy định rõ, thêm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản, cản trở. Về lãi ý của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên ông T, Tòa án cũng có thể quyết định phân chia lại việc trực tiếp nuôi con và việc chi trả các chi phí nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ: Không có.

5. Áp dụng khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2010/0001506 ngày 14/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên; Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thu H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/9/2017). Ông Nguyễn Mạnh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- UBND phường Thanh Trêng, TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- Chánh án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Tám